TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HS-ST
Ngày: 10-02-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương

Thẩm phán: Bà Bùi Kim Rết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đây

Bà Nguyễn Thị Chi

Ông Nguyễn Tất Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phan Ngọc Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 119/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-QĐ ngày 14/01/2020, đối với bị cáo:

Vũ Hoàng Q, sinh năm 1986, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Tổ A, ấp T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Quốc T1, sinh năm 1956 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957; vợ là Nguyễn Thị Thanh Kim P1, sinh năm 1987 và có 02 con chung sinh năm 2009 và 2016; Tiền án, Tiền sự: Không;

Ngày 21/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm tạm theo Lệnh số 51/LTG-PC44 ngày 16/5/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai.

Ngày 17/8/2019, bị bắt theo Quyết định truy nã số 06/QĐ-PC44 ngày 18/7/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai, hiện đang bị

tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Đồng Nai theo Lệnh tạm giam số 1578/LTG-PC01 ngày 19/8/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai.

- Bị hại: Anh **Nguyễn Hồng Tr**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp L1, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người làm chứng:

+ Chị Nguyễn Thị Thanh Kim P1, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã S, huyện B1, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A1, xã C1, huyện L1, tỉnh Đồng Nai.

- *Người bào chữa theo chỉ định của bị cáo*: Luật sư Dương Văn Ổn, thuộc Văn phòng luật sư Dương Văn Ổn - Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2014 Vũ Hoàng Q nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 55, tờ bản đồ số 8 với diện tích 20.113,1m^2 ở xã Xuân Thanh, thị xã Long Khánh của ông Cao Hữu H1và bà Trần Thị G, nay là thửa đất 183, tờ bản đồ số 06 thuộc xã Hàng Gòn, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai và được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng (CNQSĐD) đất số W 735507 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai xác nhận vào ngày 04/6/2014 (nay đổi thành giấy CNQSDĐ số CD 583626 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai xác nhận ngày 16/5/2016). Do có nhu cầu vốn đề làm ăn nên Vũ Hoàng Q thế chấp quyền sử dụng đất này cho Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng vay vốn ngân hàng số 21/2015/HĐTD-CN ngày 13/4/2015 để vay 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, để được giải ngân vợ chồng Vũ Hoàng Q phải ký bên người thế chấp. Hết hạn vay, vợ chồng Q không trả được tiền gốc và lãi theo thỏa thuận nên Ngân hàng liên doanh Việt – Nga chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh đã khởi kiện vợ chồng Vũ Hoàng Q tại Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Kết quả giải quyết tại Bản án số 05/2017/KDTM-ST ngày 24/02/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai buộc Vũ Hoàng Q và Nguyễn Thị Thanh Kim P1 phải trả cả lãi và gốc cho khoản vay

2.500.000.000 đồng tính đến ngày 24/02/2017 là 2.921.637.500 đồng và giao lại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 08, tọa lạc lại xã Xuân Thanh, huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy CNQSDĐ số 5298/QSDĐ do UBND huyện Long Khánh cấp ngày 06/6/2003 (Nay là thửa đất số 183, tờ bản đồ số 06 thuộc xã Hàng Gòn, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy CNQSDĐ số CD 538626 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai xác nhận ngày 16/5/2016) cho Cơ quan Thi hành án Dân sự thành phố B để thực hiện cưỡng chế thi hành án theo quy định. Sau khi Bản án có hiệu lực, ngày 04/5/2017 Ngân hàng liên doanh Việt – Nga làm đơn yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B thi hành bản án nên Chi cục thi hành án dân sự thành phố B ra Quyết định số 186/QĐ-CCTHADS ngày 25/7/2017 về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với tài sản do vợ chồng Q đã thế chấp ở Ngân hàng liên doanh Việt – Nga chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 21/2015/HĐTD-CN ngày 13/4/2015. Sau đó hồ sơ thi hành án được chuyển lên Cục thi hành án tỉnh Đồng Nai theo yêu cầu của bên được thi hành án. Sau khi Cục thi hành án tỉnh Đồng Nai làm các thủ tục cần thiết như xác minh điều kiện thi hành án, liên hệ với bên bị thi hành án để cho chuộc lại tài sản nhưng Vũ Hoàng Q không có khả năng chuộc lại tài sản nên Cục thi hành án tỉnh Đồng Nai ra Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất. Vào ngày 12/3/2018 được sự ủy quyền của Cục thi hành án tỉnh Đồng Nai – Công ty trách nhiệm hữu hạn đấu giá Đông Nam đã tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất do Nhà nước đã cấp cho Vũ Hoàng Q như ghi nhận tại Giấy CNQSDĐ số CD 583626 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16/5/2016. Kết quả Ông Đoàn Văn A2, số CMND 271532514 do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 08/3/2018, địa chỉ thường trú A3/105 ấp S, xã Q1, huyện T3, tỉnh Đồng Nai là người mua được quyền sử dụng đất này theo Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 23/18/HĐMB ngày 12/3/2018.

Mặc dù đã được Chi cục thi hành án thành phố Biên Hòa gửi Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất đối với thửa đất do Q thế chấp để vay vốn, Q không có khả năng chuộc lại tài sản và biết rõ quyền sử dụng đất của mình tại thửa 183, tờ bản đồ số 06 ở xã Hàng Gòn, thành phố Long Khánh đã bị Cục thi hành án tỉnh bán đấu giá để thu hồi vốn nhưng Vũ Hoàng Q nảy sinh ý định làm giả giấy CNQSDĐ này để lừa đảo bán kiếm tiền tiêu xài.

Qua tìm hiểu ở mạng xã hội Vũ Hoàng Q đã liên hệ với một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) để yêu cầu làm 01 (một) giấy CNQSDĐ giả với

giá 30.000.000 đồng, thông tin thửa đất, vị trí đất, diện tích đất và người được công nhận quyền sử dụng đất giống giấy CNQSDĐ số CD 583626 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai xác nhận ngày 16/5/2016.

Sau khi có giấy CNQSDĐ giả, Q liên hệ và thỏa thuận sang nhượng quyền sử dụng đất này cho anh Nguyễn Hồng Tr, anh Tr đồng ý mua quyền sử dụng đất này với giá 800.000.000 đồng. Để ký được hợp đồng, Q về nói dối vợ mình là chị Nguyễn Thị Thanh Kim P1 là Q đã trả hết nợ và chuộc lại được thửa đất đã bị kê biên nay cần bán để lấy vốn làm ăn nên yêu cầu chị P1 ký cam kết là tài sản riêng của Q, chị P1 đồng ý. Ngày 19/6/2017, Vũ Hoàng Q và anh Nguyễn Hồng Tr đến Văn phòng công chứng Hố Nai ở xã Hố Nai 3, huyện B1, tỉnh Đồng Nai để ký hợp đồng sang nhượng quyền sử dụng đất thửa 183, tờ bản đồ số 6 như thể hiện tại giấy CNQSDĐ số CD583626 nhưng do anh Tr không yêu cầu Công chứng viên xác minh tình trạng pháp lý của thửa đất nên không biết thửa đất này đang bị ngăn chặn giao dịch. Sau đó, anh Tr cầm hợp đồng công chứng việc mua bán quyền sử dụng đất, tờ cam kết tài sản riêng, sổ hộ khẩu,…đến Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai chi nhánh thành phố Long Khánh để đăng ký quyền sử dụng đất thì bị phát hiện Giấy CNQSDĐ là giả nên anh Tr gọi điện hỏi Q nhưng Q tắt máy, không gặp anh Tr.

Ngày 15/12/2017, anh Tr làm đơn tố cáo Vũ Hoàng Q có hành vi lừa đảo.

Theo kết luận giám định số 290/KLGĐ ngày 16/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

1. Chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc H2 trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (được Phòng PC45 đóng dấu ký hiệu A) với chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc H2 tương ứng trên các tài liệu nên ở phần mẫu so sánh (được phòng PC54 ghi ký hiệu từ M1 đến M6) **không phải do cùng một người ký ra**.

2. Hình dấu tròn Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai trên tài liệu nêu ở phần mẫu giám định (được phòng PC54 đóng dấu ký hiệu A) với hình dấu tròn Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai tương ứng trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (được phòng PC54 ghi ký hiệu từ M1 đến M6) **không phải do cùng một con dấu đóng ra.**

Về dân sự: Anh Nguyễn Hồng Tr yêu cầu Vũ Hoàng Q trả lại 800.000.000 đồng và đề nghị xử lý Q theo quy định pháp luật.

- Tại Cáo trạng số 1440/CT-VKS-P2 ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố: Bị cáo Vũ Hoàng Q về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức"

theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b, điểm c khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Hoàng Q 12 năm đến 14 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 03 đến 03 năm 6 tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", tổng hợp hình phạt từ 15 năm đến 17 năm 6 tháng tù.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Vũ Hoàng Q tại phiên tòa tranh luận: Thống nhất về tội danh "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại đối với hành vi "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức" mà Viện kiểm sát truy tố vì đây là điều kiện để bị cáo thực hiện được hành vi gian dối đối với người bị hại. Hiện nay, bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Hồng Tr người bị hại của vụ án còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm của công chứng viên, vì khi anh đến làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất anh đã tin tưởng vào cơ quan công chứng nhưng vẫn bị lừa dối chiếm đoạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đồng Nai, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo Vũ Hoàng Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ, đã có đủ cơ sở kết luận:

Do muốn có tiền tiêu xài, Vũ Hoàng Q thuê người làm giả giấy CNQSDĐ đối với tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 183, tờ bản đồ số 6 diện tích

20.113,1m^2 ở ấp Tân Phong, xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai (Thửa đất này Q đã bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa buộc giao cho Cơ quan thi hành án theo Bản án số 05/2017/KDTM-ST ngày 24/02/2017 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ số tiền 2.921.637.500 đồng). Sau đó, Q đã chuyển nhượng giấy CNQSDĐ giả trên cho anh Nguyễn Hồng Tr theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 11667 ngày 19/6/2017 tại Văn phòng công chứng Hố Nai ở xã Hố Nai 3, huyện B1, tỉnh Đồng Nai để chiếm đoạt số tiền 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng).

Với hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo Vũ Hoàng Q đã bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b, khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản của những người khác được Pháp luật bảo vệ mà còn xâm phạm trật tự quản lý hành chính của nhà nước, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do vậy, đối với bị cáo cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Vũ Hoàng Q trả lại cho anh Nguyễn Hồng Tr số tiền 800.000.000 đồng.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Xét quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo về việc không cần thiết xử lý bị cáo về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức" là không phù hợp nên không được chấp nhận, đối với tình tiết giảm nhẹ hoàn cảnh gia đình của bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu của anh Tr tại phiên tòa là không có căn cứ chấp nhận, hơn nữa theo tài liệu có tại hồ sơ thể hiện khi đến làm thủ tục tại Văn phòng công chứng mặc dù đã được giải thích pháp luật nhưng anh không yêu cầu cơ quan công chứng xác minh tình trạng pháp lý, kiểm tra thông tin thửa đất chuyển nhượng cho anh. Vì vậy, đã không phát hiện đất anh nhận chuyển nhượng đã bị cơ quan có thẩm quyền kê biên, bán đấu giá.

[7] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm (20.000.000 + 4% (800.000.000-400.000.000)).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Hoàng Q phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b, khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55. Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt: bị cáo **Vũ Hoàng Q** 12 (mười hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; 02 (hai) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt của hai tội là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/8/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Buộc bị cáo Vũ Hoàng Q trả lại số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) cho anh Nguyễn Hồng Tr.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng lưu hồ sơ Ca tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- THAHS - THADS tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo - Trại giam B5;
- Luật sư; đương sự;
- Lưu (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Hương